

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2024.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Văn Huynh.

+ Ông Lê Hoàng Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1968.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ: B, tổ A, ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Các đương có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024, bản tự khai ngày 29/02/2024 nguyên đơn ông Đỗ Văn L trình bày: Ông và bà N chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 1991 mới đăng kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2023, thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng hiện tại ông đã chấm dứt. Ngoài ra, bà N và các con cho rằng ông lấy tiền của gia đình lo cho người khác từ đó vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 cho đến tháng 5/2024, ông đã ra ngoài sinh sống và đi làm thuê cho đến nay, không quan tâm đến bà N. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn bà N.

Về con chung: Có 04 con chung (đã thành niên) là Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 08/6/1992; Đỗ Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/1994; Đỗ Văn T2, sinh ngày 01/11/1996 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 07/7/2000.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phước T4 số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/02/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 1991 mới đăng kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà có khuyên ngăn nhưng ông L không nghe, từ đó vợ chồng có gây gổ, cãi vã. Từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn sống chung tại nhà chung của vợ chồng. Sau đó, ông L ra ngoài sinh sống vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng ông L không đồng ý. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông L yêu cầu ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Có 04 con chung (đã thành niên) là Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 08/6/1992; Đỗ Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/1994; Đỗ Văn T2, sinh ngày 01/11/1996 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 07/7/2000.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phước T4 số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L1 đối với bà Nguyễn Thị N. Về con chung: Có 04 con chung (đã thành niên) là Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 08/6/1992; Đỗ Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/1994; Đỗ Văn T2, sinh ngày 01/11/1996 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 07/7/2000. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị N cùng nơi cư trú xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Ông L có đơn tranh chấp ly hôn với bà N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị N chung sống có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/11/1991 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại tòa, bà N xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do, ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng có cãi vã nhau, bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà vẫn quan tâm đến ông L không đồng ý ly hôn. Đối với ông L xác định, ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng hiện tại đã chấm dứt, ông cho rằng bà N và các con nghi ngờ ông lấy tiền của gia đình để lo cho người khác. Ngoài ra, không có mâu thuẫn gì khác.

Xét, thời gian vợ chồng ông L, bà N xảy ra mâu thuẫn là từ đầu năm 2023, nguyên nhân chính là do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà N có khuyên ngăn ông L nhưng ông L không nghe dẫn đến vợ chồng có gây gổ nhau. Thời gian ly thân, bà N vẫn quan tâm đến ông L và mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ chung sống với nhau.

Ý kiến trình bày của chị Đỗ Thị Ngọc T1, anh Đỗ Văn T3 (con chung ông L, bà N): Cha, mẹ thỉnh thoảng có gây gổ nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng, bà N vẫn quan tâm đến ông L. Nguyên vọng của anh, chị mong muốn cha, mẹ hàn gắn, đoàn tụ tiếp tục chung sống lại với nhau. (BL: 34, 36)

Hội đồng xét xử nhận thấy, điều kiện để ông L, bà N đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau là có cơ sở, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của ông L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 04 con chung (đã thành niên) là Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 08/6/1992; Đỗ Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/1994; Đỗ Văn T2, sinh ngày 01/11/1996 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 07/7/2000.

[5] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phước T4 số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân Phước T4 có Công văn số: 01/CV-QTD ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ vay của ông L, bà N số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL: 44). Do đó, không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015254 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L đối với bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Về con chung: Có 04 con chung (đã thành niên) là Đỗ Thị Ngọc T, sinh ngày 08/6/1992; Đỗ Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/1994; Đỗ Văn T2, sinh ngày 01/11/1996 và Đỗ Văn T3, sinh ngày 07/7/2000.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2- Án phí: Ông Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015254 ngày 23/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (đã nộp xong).

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND H. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS H. Long Thành (1);
 - Các đương sự (2);
 - UBND xã Long Hải, h. Long Đất (1)
- Giấy CNKH số 64 ngày 26/11/1991;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai(1);
 - Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh